

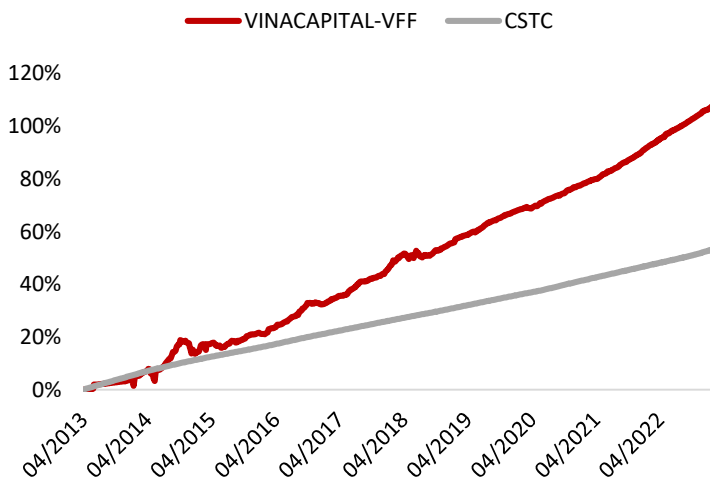
VINACAPITAL-VFF

Chiến lược đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

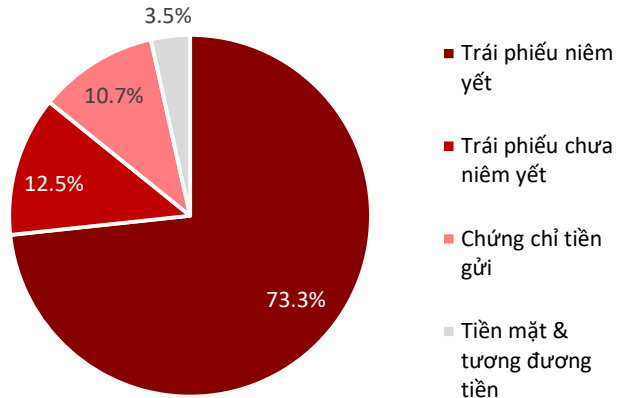
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	813.0	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	20,795.6	
Lợi nhuận tháng 01/2023 (%)	0.7	0.6
Lợi nhuận từ đầu năm 2023 (%)	0.7	0.6
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	7.3	5.4
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	108.0	53.3

* CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



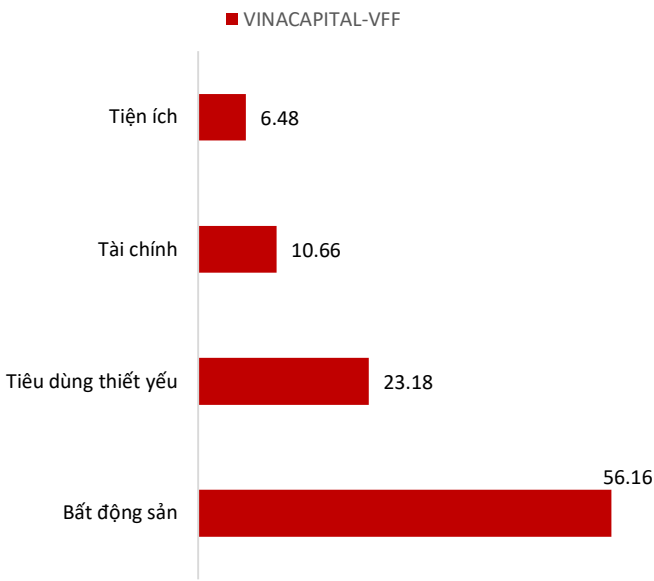
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.12
Lợi suất khi đáo hạn (%)	9.36

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
KBC	17.1	9.7	0.4
TN1	14.0	10.0	1.8
MML	12.5	9.2	2.9
VIC	12.5	11.5	1.0
KDH	7.1	12.0	2.0

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Các số liệu kinh tế vĩ mô tháng 1 cho thấy nền kinh tế vẫn đang chịu nhiều áp lực từ kinh tế thế giới. Tuy nhiên cũng lưu ý rằng do dịp Tết nguyên đán năm nay rơi vào tháng 1, khác với năm trước rơi vào tháng 2, nên số liệu kinh tế Tháng 1 khi so với cùng kỳ sẽ chưa phản ánh đúng bức tranh kinh tế, mà chúng tôi sẽ đợi thêm số liệu kinh tế tháng 2 khi so sánh 2 tháng đầu năm để thấy được bức tranh rõ nét hơn. Với số liệu của tháng 1, chúng ta thấy sức bán các sản phẩm “sản xuất tại Việt Nam” trên thế giới giảm theo sự giảm cầu chung từ Mỹ và Châu Âu, dẫn tới tăng trưởng sản xuất (dựa trên chỉ số sản xuất công nghiệp) đã giảm 8% so với cùng kỳ năm trước, chỉ số quản trị mua hàng (PMI) cải thiện từ 46,4 trong tháng 12/2022 lên 47,4 trong tháng 1/2023, tuy nhiên vẫn ở cho mức cho thấy hoạt động sản xuất bị suy giảm. Các điều kiện kinh doanh nói chung vẫn yếu trong 3 tháng liên tiếp. Điểm tích cực là đơn đặt hàng mới đã tăng lại lần đầu tiên trong vòng 3 tháng.

Tuy nhiên, có một điểm sáng cho kinh tế là ngành du lịch với lượng khách du lịch quốc tế đã tăng trở lại, đạt gần 60% so với lượng khách trong tháng 1 năm 2019 – là năm trước dịch Covid khi du lịch vẫn hoạt động bình thường; so với tháng 12-2022, thì con số này đã tăng 23%. Điều này cũng đã góp phần thúc đẩy giúp cho tăng trưởng bán lẻ thực (bỏ qua yếu tố lạm phát) đạt 15.8% so với cùng kỳ trong tháng 1. Tuy nhiên, lạm phát trong tháng 1 tăng 0,5% so với tháng trước và 4,9% so với cùng kỳ năm trước, tạm thời cao hơn mục tiêu lạm phát trung bình 4,5% cho cả năm 2023 do Chính phủ đặt ra. Áp lực chủ yếu từ tăng giá cả lương thực thực phẩm 1% so với tháng trước vì kỳ lễ Tết nguyên đán.

Mặc dù trong dịp Tết nguyên đán, nhưng thanh khoản ngân hàng khá ổn định với lãi suất qua đêm duy trì quanh mức từ 4,75%-6,50% và về mức 6,30% tại cuối tháng 1. NHNN cũng đã tích cực mua vào 2,8 tỷ USD để cải thiện dự trữ ngoại hối, đồng thời bơm ròng 121,9 nghìn tỷ trên OMO, giúp thanh khoản hệ thống ổn định.

Lãi suất tiền gửi do đó hạ nhiệt khi thanh khoản ngân hàng được cải thiện, và đặc biệt sau khi NHNN và các ngân hàng thương mại thống nhất áp dụng trần lãi suất tiền gửi tối đa 9,5% trong tháng 12/2022. Do đó, lãi suất tiền gửi giảm ở hầu hết các kỳ hạn. Một số ngân hàng giảm tới 0,5-1% ở kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng, chủ yếu ở khối ngân hàng tư nhân.

Trong khi đó, huy động vốn của doanh nghiệp thông qua trái phiếu doanh nghiệp vẫn tiếp tục trầm lắng, một phần do dịp nghỉ Tết dài ngày trong tháng. Cụ thể, chỉ có 04 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp trong nước với tổng giá trị 490 tỷ đồng, giảm 98,6% so với cùng kỳ. Trong đó, có 3 đợt phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị 380 tỷ đồng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và 1 đợt phát hành trái phiếu riêng lẻ với giá trị 110 tỷ đồng của Công ty CP Đầu tư Phan Vũ thuộc lĩnh vực xây dựng. Từ đó, lĩnh vực ngân hàng và xây dựng lần lượt chiếm 77.5% và 22,5% tổng giá trị phát hành.

Về triển vọng thị trường năm 2023, nghị định 65/2022/NĐ-CP ban hành trong Quý III năm 2022 và dự kiến sớm được chỉnh sửa trong nửa đầu năm 2023 theo hướng hỗ trợ thị trường, tuy nhiên sẽ cần một thời gian để lấy lại niềm tin của nhà đầu tư cá nhân đối với trái phiếu doanh nghiệp nói chung và trái phiếu phát hành riêng lẻ nói riêng. Các doanh nghiệp có đủ điều kiện về sức khỏe tài chính sẽ có xu hướng phát hành trái phiếu ra công chúng nhiều hơn, để tiếp cận được với nhiều phân khúc khách hàng hơn. Chính vì thế chúng tôi cho rằng năm 2023 sẽ đỡ căng thẳng hơn những tháng cuối năm 2022, thị trường sẽ hồi phục dần theo hướng phát hành trái phiếu ra công chúng nhiều hơn. Từ đó tăng tính minh mạch và thanh khoản cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp, góp phần phát triển thị trường phát triển lành mạnh trong trung và dài hạn.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2021	0.6%	0.5%	0.4%	0.6%	0.6%	0.6%	0.6%	0.9%	0.5%	0.6%	0.7%	0.9%	7.7%
2022	0.8%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.5%	0.6%	0.6%	0.7%	0.6%	0.8%	0.4%	8.0%
2023	0.7%												0.7%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.